

Bảng hỏi khảo sát tiếp cận

Dự án Tiếp Cận · Phiên bản v2-qcvn2024 · cập nhật 2026-10-29

Các ngưỡng số tham chiếu QCVN 10:2024/BXD (Thông tư 06/2024/TT-BXD, hiệu lực 01/02/2025). Mức "Một phần" nói hơn chuẩn (cửa 800-899 mm, ngưỡng tối đa 2 cm) là tiêu chí của dự án, không phải kết luận đạt/không đạt QCVN.

A. Thông tin chung

Tên địa điểm		Loại địa điểm	
Địa chỉ			
Thành phố / tỉnh		Toạ độ GPS (vĩ độ, kinh độ)	
Ngày giờ khảo sát		Khảo sát viên	

Toạ độ GPS: chỉ lấy khi đứng ngay tại cửa chính, bằng nút "Lấy vị trí GPS" của biểu mẫu trực tuyến (sai số tối đa 30 m); không tự nhập tay. Bảng hỏi giấy dùng để ghi chú tại hiện trường, rồi nhập lên biểu mẫu trực tuyến.

Cách dùng: mỗi câu chọn Có / Không / Không rõ; câu có số đo thì ghi số. Câu đánh dấu (**chụp ảnh minh họa**) thì nên chụp ảnh minh chứng. Bảng hỏi chia theo vị trí chụp ảnh: **B Tổng quan, C Lối vào, D Cửa chính, E Thang máy, F Nhà vệ sinh**. Ảnh gồm **3 vị trí bắt buộc** (Tổng quan chụp ngang 16:9, Lối vào, Cửa chính) và **2 vị trí không bắt buộc** (Thang máy, Nhà vệ sinh); mỗi vị trí tối đa 5 ảnh, tổng ít nhất 5 ảnh. Không để lộ mặt người khi chưa được họ đồng ý.

A2. Khảo sát cùng người dùng xe lăn (ưu tiên)

Số	Câu hỏi	Trả lời
1	Có một người khuyết tật ngồi xe lăn đi cùng khảo sát?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
2	Người đó đã đồng ý được chụp ảnh và dùng ảnh trong dự án? (chỉ khi có người ngồi xe lăn đi cùng)	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
3	Có ít nhất 1 ảnh thể hiện người đó (đã được họ đồng ý) ở lối vào, cửa hoặc nhà vệ sinh? Ảnh chỉ đưa vào ảnh công khai khi họ đồng ý công bố, nếu không hãy đưa vào Ảnh bổ sung (chụp ảnh minh họa) (chỉ khi có người ngồi xe lăn đi cùng)	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ

B. Tổng quan (đường đến, bên trong, hỗ trợ)

Số	Câu hỏi	Trả lời
----	---------	---------

4	Vĩa hè trước cửa đi được bằng xe lăn (phẳng, đủ rộng, không bị xe máy/hàng quán chiếm)? (chụp ảnh minh họa)	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
5	Có chỗ đậu xe dành cho người khuyết tật hoặc chỗ dừng đón sát cửa?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
6	Đường đi bên trong đủ rộng để xe lăn quay đầu (khoảng trống ít nhất ~1,5 m)?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
7	Địa điểm nhiều tầng?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
8	Quầy lễ tân/thu ngân có đoạn thấp hoặc chỗ trống phía dưới để người ngồi xe lăn dùng được? QCVN 10:2024/BXD, mục 2.5.1.3 (mặt quầy ≤ 800 mm; chân ≥ 650 mm)	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
9	Nhân viên biết hỗ trợ / sẵn sàng giúp khi được nhờ?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
10	Có biển chỉ dẫn lối tiếp cận? QCVN 10:2024/BXD, mục 2.2.7	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ

C. Lối vào

Số	Câu hỏi	Trả lời
11	Số bậc ở lối vào chính (0 nếu không có) (chụp ảnh minh họa) QCVN 10:2024/BXD, mục 2.2.2; 2.2.5	 bậc
12	Chiều cao bậc cao nhất QCVN 10:2024/BXD, mục 2.2.5 (≤ 150 mm) (chỉ khi có bậc)	 cm
13	Có đường dốc (ram) thay cho bậc? (chụp ảnh minh họa) QCVN 10:2024/BXD, mục 2.2.2; 2.2.3 (chỉ khi có bậc)	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
14	Độ dốc của đường dốc QCVN 10:2024/BXD, mục 2.2.3 (≤ 1/12) (chỉ khi có đường dốc)	☐ Không quá 1/12 ☐ Dốc hơn 1/12
15	Chiều rộng đường dốc QCVN 10:2024/BXD, mục 2.2.3 (≥ 1.200 mm) (chỉ khi có đường dốc)	 cm
16	Nếu lối vào chính không tiếp cận được: có lối vào khác không? (chỉ khi có bậc và không có đường dốc)	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
17	Lối vào khác ở đâu? (chỉ khi có lối vào khác)	

D. Cửa chính

Số	Câu hỏi	Trả lời
18	Chiều rộng thông thủy của cửa chính (đo từ mép trong, khi cửa mở hết) (chụp ảnh minh họa) QCVN 10:2024/BXD, mục 2.3.1 (cửa vào ≥ 900 mm; phòng bên trong ≥ 800 mm)	 cm

19	Loại cửa QCVN 10:2024/BXD, mục 2.2.6 (không dùng cửa quay)	☐ Tự động ☐ Dễ đẩy ☐ Nặng, khó mở
20	Ngưỡng cửa ở lối vào chính QCVN 10:2024/BXD, mục 2.2.6 (không làm ngưỡng cửa)	☐ Không có ngưỡng ☐ Có, cao tối đa 2 cm ☐ Có, cao trên 2 cm

E. Thang máy (nếu có)

Số	Câu hỏi	Trả lời
21	Có thang máy đến các tầng? QCVN 10:2024/BXD, mục 2.4 (chỉ khi nhiều tầng)	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
22	Chiều rộng cửa thang máy QCVN 10:2024/BXD, mục 2.4.1 (≥ 900 mm) (chỉ khi có thang máy)	 cm
23	Độ cao bảng nút bấm điều khiển trong buồng thang máy: nút CAO NHẤT (đo từ sàn thang máy đến tâm nút). Để biết người ngồi xe lăn có với tới nút bấm được không (chụp ảnh minh họa) QCVN 10:2024/BXD, mục 2.4.4 (nút cao nhất ≤ 1200 mm) (chỉ khi có thang máy)	 cm
24	Độ cao bảng nút bấm điều khiển trong buồng thang máy: nút THẤP NHẤT (đo từ sàn thang máy đến tâm nút) (chỉ khi có thang máy)	 cm
25	Nút bấm thang máy có chữ nổi (Braille hoặc ký hiệu nổi) cho người khiếm thị sử dụng không? QCVN 10:2024/BXD, mục 2.4.4 (chỉ khi có thang máy)	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ

F. Nhà vệ sinh

Số	Câu hỏi	Trả lời
26	Có nhà vệ sinh dành cho người khuyết tật? (chụp ảnh minh họa) QCVN 10:2024/BXD, mục 2.5.5.1	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
27	Nếu không: nhà vệ sinh thường có bậc, cửa hẹp không? (mô tả ngắn) (chỉ khi không có nhà vệ sinh tiếp cận)	
28	Chiều rộng cửa nhà vệ sinh tiếp cận QCVN 10:2024/BXD, mục 2.5.5.5 (≥ 800 mm) (chỉ khi có nhà vệ sinh tiếp cận)	 cm
29	Có tay vịn? QCVN 10:2024/BXD, mục 2.5.5.7 (chỉ khi có nhà vệ sinh tiếp cận)	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
30	Đủ chỗ quay xe lăn? QCVN 10:2024/BXD, mục 2.5.5.4 ($\geq 1.400 \times 1.400$ mm) (chỉ khi có nhà vệ sinh tiếp cận)	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ

31	Bồn cầu cao thích hợp? QCVN 10:2024/BXD, mục 2.5.5.6 (bệ xí ≤ 450 mm) (chỉ khi có nhà vệ sinh tiếp cận)	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
----	---	--

Phần thêm cho khách sạn / nhà nghỉ

Số	Câu hỏi	Trả lời
32	Có phòng tiếp cận?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
33	Phòng ở tầng mấy, có thang máy đi tới không? (chỉ khi có phòng tiếp cận)	
34	Chiều rộng cửa phòng và cửa nhà vệ sinh trong phòng (chỉ khi có phòng tiếp cận)	
35	Phòng tắm có vòi sen ngồi / ghế tắm, tay vịn? (chụp ảnh minh họa) (chỉ khi có phòng tiếp cận)	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
36	Chiều cao giường (chỉ khi có phòng tiếp cận)	 cm
37	Công tắc, tủ, chỗ treo đồ với tới được từ xe lăn? (chỉ khi có phòng tiếp cận)	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
38	Khu ăn sáng và các khu chung tiếp cận được?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
39	Có chính sách đặt phòng tiếp cận / thông báo trước cho khách khuyết tật?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ

Phần thêm cho nhà hàng / quán ăn

Số	Câu hỏi	Trả lời
40	Có bàn trống để xe lăn vào (bàn không cố định sát nhau)?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
41	Chiều cao gầm bàn	 cm
42	Có thực đơn chữ lớn, chữ nổi, hoặc nhân viên đọc thực đơn?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
43	Khu vệ sinh cùng tầng với phòng ăn?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ

Phần thêm cho bảo tàng, di tích, điểm tham quan

Số	Câu hỏi	Trả lời
44	Quầy vé tiếp cận (quầy thấp, có người hỗ trợ)?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
45	Người khuyết tật và người đi cùng được miễn/giảm vé?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
46	Có cho mượn xe lăn? (chụp ảnh minh họa)	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
47	Lộ trình tham quan có đường dốc/thang máy nối các khu? Ghi rõ khu KHÔNG tiếp cận được (và lý do, ví dụ do bảo tồn)	
48	Mặt sân / đường đi	☐ Phẳng, cứng ☐ Sỏi / đá nhám ☐ Cỏ / đất ☐ Gạch gồ ghề
49	Có ghế nghỉ, bóng râm dọc lộ trình?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ

Phần thêm cho nhà ga, bến xe, sân bay, nhà chờ xe buýt

Số	Câu hỏi	Trả lời
50	Quầy bán vé / soát vé / làm thủ tục có đoạn thấp, có nhân viên hỗ trợ?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
51	Có nhân viên hỗ trợ lên xuống? (ghi cách đặt trước nếu có)	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
52	Ga/bến: khoảng hở giữa sân ga/bến đỗ và sàn xe (cm)	 cm
53	Chênh cao giữa sân ga/bến đỗ và sàn xe (cm)	 cm
54	Xe có sàn thấp / đường dốc / bàn nâng / chỗ cho xe lăn?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
55	Nhà chờ xe buýt: nền phẳng, đủ chỗ cho xe lăn ($\geq 1,2 \times 0,8$ m), vỉa hè hạ thấp?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
56	Thông báo bằng hình và tiếng, bảng giờ xe đọc được?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ

Dành cho sân bay / nhà ga: chính sách hỗ trợ người khuyết tật

Số	Câu hỏi	Trả lời
57	Người khuyết tật có phải đăng ký / báo trước để được hỗ trợ không?	☐ Không cần ☐ Nên báo trước (không bắt buộc) ☐ Bắt buộc báo trước ☐ Không rõ
58	Cách và thời hạn đăng ký (số điện thoại, email, báo trước bao lâu) (chỉ khi nên hoặc bắt buộc báo trước)	
59	Có giảm giá vé cho người khuyết tật?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
60	Mức giảm và giấy tờ cần có (chỉ khi có giảm giá vé)	
61	Có thang nâng / bàn nâng / thiết bị hỗ trợ đưa hành khách lên cabin máy bay hoặc lên toa tàu? (chụp ảnh minh họa)	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
62	Có thang nâng / thiết bị hỗ trợ từ máy bay xuống nhà ga (hoặc từ tàu xuống sân ga)?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
63	Loại thiết bị (ví dụ thang nâng ambulant, cầu hành khách, ghế xe lăn chuyên dụng, bàn nâng ở sân ga)	
64	Có tính thêm phí dịch vụ hỗ trợ cho người khuyết tật?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
65	Mức phí và nội dung được phục vụ (chỉ khi có thu phí)	

Phần thêm cho trụ sở cơ quan, tổ chức và trung tâm hành chính công

Số	Câu hỏi	Trả lời
66	Có quầy hoặc đoạn quầy giao dịch thấp cho người ngồi xe lăn?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
67	Chiều cao mặt quầy giao dịch thấp nhất (chỉ khi ag_counter=Có)	 cm

68	Các quầy, phòng phục vụ người dân nằm ở tầng 1 hoặc có thang máy / đường dốc tới?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
69	Ghi rõ quầy, phòng KHÔNG tới được (chỉ khi ag_floor=Không)	
70	Máy lấy số / gọi số có hiển thị bằng hình và báo bằng tiếng?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
71	Có cán bộ hướng dẫn, hỗ trợ người khuyết tật tại chỗ?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
72	Có quầy hoặc lối ưu tiên cho người khuyết tật?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
73	Có ghế chờ và chỗ chờ riêng cho xe lăn?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
74	Có hỗ trợ người khiếm thính (ngôn ngữ ký hiệu, nhắn tin, video)?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
75	Có cho nộp hồ sơ trực tuyến hoặc nhận kết quả tại nhà với người khuyết tật?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ

Phần thêm cho bệnh viện, cơ sở y tế

Số	Câu hỏi	Trả lời
76	Có chỗ đón, trả người bệnh sát cửa (xe cấp cứu, taxi), có mái che?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
77	Quầy đăng ký, thu phí có đoạn quầy thấp?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
78	Các khoa khám, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh ở tầng 1 hoặc có thang máy / đường dốc tới?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
79	Ghi rõ khoa, khu KHÔNG tới được (chỉ khi hc_floors=Không)	
80	Chiều rộng cửa phòng khám	 cm
81	Giường khám, bàn khám chỉnh được độ cao hoặc có thiết bị hỗ trợ chuyển người bệnh?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
82	Phòng chụp (X-quang, CT, siêu âm) có hỗ trợ chuyển người từ xe lăn lên bàn chụp?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
83	Khu nội trú: cửa phòng, lối đi, nhà vệ sinh trong phòng dùng được bằng xe lăn?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
84	Khu cấp cứu có lối vào bằng phẳng hoặc đường dốc, cửa đủ rộng?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
85	Có xe lăn, cáng cho mượn ở cửa? (chụp ảnh minh họa)	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
86	Biển chỉ dẫn chữ lớn, tương phản, có chữ nổi hoặc băng dẫn hướng cho người khiếm thị?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
87	Có hỗ trợ người khiếm thính (ngôn ngữ ký hiệu, bảng chữ, nhắn tin)?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ

Phần thêm cho cơ sở, trung tâm của người khuyết tật

Số	Câu hỏi	Trả lời
----	---------	---------

88	Đối tượng phục vụ chính (ví dụ khiếm thị, khiếm thính, vận động, trí tuệ, tự kỷ)	
89	Dịch vụ, hoạt động chính (ví dụ đào tạo nghề, phục hồi chức năng, nuôi dưỡng, tư vấn)	
90	Có người khuyết tật làm việc hoặc tham gia điều hành?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
91	Phòng sinh hoạt, đào tạo, ăn ở (nếu có) dùng được bằng xe lăn?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
92	Biển chỉ dẫn chữ lớn, tương phản, có chữ nổi hoặc băng dẫn hướng cho người khiếm thị?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
93	Chuông, báo động có đèn nháy hoặc rung cho người khiếm thính?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
94	Có phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
95	Có phòng yên tĩnh hoặc cách giảm kích thích cho người tự kỷ, người nhạy cảm giác quan?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
96	Có cho mượn hoặc sửa xe lăn, dụng cụ trợ giúp?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
97	Có xe đưa đón dùng được cho xe lăn?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
98	Khách đến thăm có phải hẹn trước?	☐ Không cần ☐ Nên báo trước (không bắt buộc) ☐ Bắt buộc báo trước ☐ Không rõ

Phần thêm cho trường đại học, trường hòa nhập, trường chuyên biệt

Số	Câu hỏi	Trả lời
99	Trường nhận hoặc dạy dạng khuyết tật nào (nếu biết)	
100	Có nhận học sinh, sinh viên khuyết tật và có chính sách hỗ trợ (miễn giảm học phí, xét tuyển riêng)?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
101	Số học sinh, sinh viên khuyết tật đang học (nếu biết)	 người
102	Có bộ phận hoặc người phụ trách hỗ trợ giáo dục hòa nhập?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
103	Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm có cửa và lối đi vào được bằng xe lăn?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
104	Các tầng trên có thang máy, hoặc lớp có học sinh khuyết tật được xếp ở tầng 1?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
105	Trong lớp có chỗ cho xe lăn hoặc bàn ghế chỉnh được?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
106	Sân trường và đường nối các khối nhà bằng phẳng, có đường dốc thay bậc?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
107	Căng tin, nhà ăn tiếp cận được?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
108	Thư viện, phòng máy tiếp cận được; có tài liệu chữ nổi, âm thanh hoặc phần mềm đọc màn hình?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
109	Ký túc xá, bán trú có phòng tiếp cận?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
110	Có phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu hoặc phụ đề cho người khiếm thính?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ

111	Có xe đưa đón dùng được cho xe lăn?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
-----	-------------------------------------	--

G. Mức tiếp cận tổng quát

Khảo sát viên chọn một mức và ghi một câu nhận xét:

☐ ĐẦY ĐỦ: vào được, đi lại bên trong được, dùng được nhà vệ sinh mà không cần ai giúp.
☐ MỘT PHẦN: vào được nhưng thiếu một điều kiện (ví dụ nhà vệ sinh không dùng được, hoặc phải có người nâng qua bậc).
☐ KHÔNG: không vào được độc lập.

Nhận xét:

Quy tắc cứng: chỉ chấm ĐẦY ĐỦ khi CẢ BA điều kiện cùng đạt: lối vào, đường đi bên trong, nhà vệ sinh. Một trong ba không đạt thì tối đa MỘT PHẦN. Lối vào đạt đủ khi: không bậc hoặc có đường dốc $\leq 1/12$ rộng ≥ 1.200 mm (QCVN 2.2.3), cửa vào ≥ 900 mm (2.3.1), không ngưỡng cửa (2.2.6); cửa 800-899 mm hoặc ngưỡng ≤ 2 cm chỉ được MỘT PHẦN; cửa < 800 mm hoặc ngưỡng > 2 cm là KHÔNG. Quy tắc này công khai.

H. Ruy băng xanh

Số	Câu hỏi	Trả lời
112	Địa điểm này có tuyển dụng lao động là người khuyết tật không?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
113	Mức độ sử dụng lao động là người khuyết tật (chọn một hoặc nhiều) (chỉ khi có tuyển dụng lao động là người khuyết tật)	☐ Cấp quản lý ☐ Nhân viên ở các bộ phận phù hợp ☐ Khác
114	Mức độ khác (ghi rõ) (chỉ khi chọn "Khác")	
115	Hình thức tuyển dụng (chỉ khi có tuyển dụng lao động là người khuyết tật)	☐ Tuyển dụng thường xuyên ☐ Theo từng vị trí trống
116	Hiện tại địa điểm có bao nhiêu lao động là người khuyết tật? (chỉ khi có tuyển dụng lao động là người khuyết tật)	 người
117	Địa điểm có thường xuyên đón khách là người khuyết tật hay không?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ
118	Địa điểm có thường xuyên được chọn để tổ chức các chương trình, sự kiện của người khuyết tật?	☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ

Cam kết của khảo sát viên: số đo và ảnh là thật, không nhận tiền hay quà để thay đổi kết quả. Chữ ký:
.....